TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST Ngày: 10-7-2024 "V/v Tranh chấp Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Ông Lê Ngọc Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Trần Quang D, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.
(Bà Tr, ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian, bà Tr và ông Trần Quang D mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12-3-2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do

vợ chồng tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, bà Tr cũng đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, qua thời gian cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Từ năm 2023 vợ chồng cũng đã ly thân cho đến nay. Nay, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Tr xin được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 01 người con chung Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013, bà Tr có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Quang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013 cho bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng*:* Bà Tr và ông D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà Tr yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông D là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tr vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Tr và ông D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12-3-2012 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, theo bà Tr vợ chồng chung sống hạnh phúc tháng 4/2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, bà Tr cho rằng do vợ chồng tính

tình không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên dần dần tình cảm không còn. Từ năm 2023 vợ chồng cũng đã ly thân cho đến nay.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Tr, Tòa án đã triệu tập ông D để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông D vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa bà Tr và ông D là có thật. Hiện bà Tr đang sống cùng con chung là cháu Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Tr được ly hôn với ông D.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà Tr và ông D có 01 người con chung Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013. Xét thấy, từ khi bà Tr và ông D ly thân, bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện cháu Th đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được sống với bà Tr do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích Tr và ông Trần Quang D.

2. Về nuôi con chung: Bà Tr và ông D có 01 người con chung Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013;

Giao con chung Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 26-5-2013 cho bà Nguyễn Thị Bích Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bích Tr không yêu cầu ông Trần Quang D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Quang D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008824 ngày 10 tháng 10 năm 2023; bà Nguyễn Thị Bích Tr đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga